

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG**

Số: 857 /QĐ-BVTMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v ban hành bảng giá phẫu thuật theo yêu cầu**  
**tại Bệnh viện Tai Mũi Họng.**

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG**

Căn cứ Quyết định số 3497/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đổi tên Trung tâm Tai Mũi Họng thành Bệnh viện Tai Mũi Họng và qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bệnh viện;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 3710/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho Bệnh viện Tai Mũi Họng;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 về Danh mục kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Công văn số 12250/SYT-KHTC ngày 20/11/2024 của Sở Y tế về việc xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với các đơn vị tự chủ nhóm I;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành bổ sung bảng giá phẫu thuật (danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **27/10/2025** và thay thế Quyết định số 856/QĐ-BVTMH ngày 30/12/2024.

**Điều 3.** Đối với người bệnh đang điều trị trước thời điểm thực hiện mức giá theo Quyết định này: tiếp tục được áp dụng mức giá trước thời điểm thực hiện mức giá này cho đến khi kết thúc việc điều trị hoặc ra viện.

**Điều 4.** Các ông, bà Trưởng/Phó khoa, phòng và toàn thể viên chức, người lao động Bệnh viện Tai Mũi Họng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, "TCKT (NHMC/06b) NMQ".

**GIÁM ĐỐC**  


**Lê Trần Quang Minh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2025

## BẢNG GIÁ PHẪU THUẬT THEO YÊU CẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 857/QĐ-BVTMH ngày 21 tháng 10 năm 2025  
và thực hiện kể từ ngày 27/10/2025)

| STT | Mã tương đương | Tên dịch vụ                                                                                        | Chi phí phẫu thuật<br>theo yêu cầu<br>BVTMH |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|     |                | <b>VỀ TRONG NGÀY</b>                                                                               |                                             |
| 1   | 15.0359.2036   | Phẫu thuật cắt Amidan bằng plasma                                                                  | 9.286.000                                   |
| 2   | 15.0150.0871   | Phẫu thuật cắt Amidan bằng sóng cao tần                                                            | 7.270.000                                   |
| 3   | 03.2241.0871   | Cắt Amidan bằng máy [Coblator]                                                                     | 7.270.000                                   |
| 4   | 15.0149.0870   | Phẫu thuật cắt Amidan                                                                              | 5.220.000                                   |
| 5   | 15.0149.0937   | Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện]                                                                   | 6.700.000                                   |
| 6   | 15.0155.0958   | Phẫu thuật nạo VA nội soi                                                                          | 8.046.000                                   |
| 7   | 15.0360.0977   | Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng plasma (gây mê)                                                     | 9.416.000                                   |
| 8   | 15.0209.0996   | Cắt phanh lưỡi [gây mê]                                                                            | 3.271.000                                   |
| 9   | 15.0209.1041   | Cắt phanh lưỡi [không gây mê]                                                                      | 2.844.000                                   |
| 10  | 15.0043.0874   | Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài [gây mê]                                                         | 5.550.000                                   |
| 11  | 15.0043.0875   | Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài [gây tê]                                                         | 4.611.000                                   |
| 12  | 15.0045.0909   | Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu da tai<br>[gây mê]                                     | 5.165.000                                   |
| 13  | 15.0045.0910   | Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu da tai<br>[gây tê]                                     | 4.282.000                                   |
| 14  | 15.0046.0872   | Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây tê]                                                          | 3.250.000                                   |
| 15  | 15.0046.0954   | Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê]                                                          | 6.798.000                                   |
| 16  | 15.0148.0966   | Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà<br>(UPPP)                                               | 14.400.000                                  |
| 17  | 15.0049.0971   | Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ                                                      | 6.541.000                                   |
| 18  | 15.0159.0965   | Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/hố lưỡi thanh<br>thiệt                                       | 7.457.000                                   |
| 19  | 15.0166.0978   | Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/<br>polyp/ hạt xo/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê) | 8.180.000                                   |
|     |                | <b>PHẪU THUẬT TAI</b>                                                                              |                                             |
| 20  | 15.0021.0987   | Phẫu thuật tiết căn xương chũm                                                                     | 14.000.000                                  |
| 21  | 15.0022.0374   | Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm                                                             | 15.788.000                                  |

| STT | Mã tương đương | Tên dịch vụ                                            | Chi phí phẫu thuật<br>theo yêu cầu<br>BVTMH |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 22  | 15.0027.0911   | Mở sào bào                                             | 10.575.000                                  |
| 23  | 15.0028.0911   | Mở sào bào, thượng nhĩ                                 | 10.575.000                                  |
| 24  | 15.0029.0911   | Mở sào bào thượng nhĩ, vạ nhĩ                          | 11.088.000                                  |
| 25  | 15.0031.0881   | Chỉnh hình tai giữa có tái tạo chuỗi xương con         | 13.057.000                                  |
| 26  | 15.0032.0997   | Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con      | 11.313.000                                  |
| 27  | 15.0034.0997   | Vá nhĩ đơn thuần                                       | 10.200.000                                  |
| 28  | 15.0035.0971   | Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi                         | 9.126.000                                   |
| 29  | 03.2111.0981   | Phẫu thuật tái tạo hệ thống truyền âm                  | 18.101.000                                  |
|     |                | <b>PHẪU THUẬT MŨI XOANG</b>                            |                                             |
| 30  | 15.0074.1081   | Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques) | 10.489.000                                  |
| 31  | 15.0075.0969   | Phẫu thuật nội soi mở xoang trán                       | 9.912.000                                   |
| 32  | 15.0077.0978   | Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng                       | 10.920.000                                  |
| 33  | 15.0078.0978   | Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm                        | 11.900.000                                  |
| 34  | 15.0079.0969   | Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm                       | 11.400.000                                  |
| 35  | 15.0081.0919   | Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây tê]              | 3.022.000                                   |
| 36  | 15.0081.0918   | Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây mê]              | 3.517.000                                   |
| 37  | 15.0084.0974   | Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm  | 19.076.000                                  |
| 38  | 15.0086.1001   | Phẫu thuật cắt u nang răng sinh, u nang sản mũi        | 7.035.000                                   |
| 39  | 15.0103.0942   | Phẫu thuật cắt xoang hơi cuốn mũi giữa                 | 7.701.000                                   |
| 40  | 15.0106.0969   | Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới            | 7.822.000                                   |
| 41  | 15.0107.0969   | Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần             | 7.822.000                                   |
| 42  | 15.0108.0969   | Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng laser         | 7.822.000                                   |
| 43  | 15.0109.0969   | Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới                       | 7.822.000                                   |
| 44  | 15.0113.0970   | Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi            | 8.527.000                                   |
| 45  | 15.0125.1001   | Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc                      | 6.974.000                                   |
| 46  | 15.0296.0980   | Phẫu thuật rò xoang lê                                 | 15.581.000                                  |
| 47  | 03.0997.0931   | Nội soi mũi, họng có sinh thiết [gây mê]               | 4.154.000                                   |
| 48  | 03.4161.0968   | Phẫu thuật nội soi cắt u nhú đảo ngược vùng mũi xoang  | 18.677.000                                  |



**Lê Trần Quang Minh**